

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN ĐẮK R'LẤP  
TỈNH ĐẮK NÔNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **46/2024/HS-ST**  
Ngày 18 - 6 - 2024

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐẮK R'LẤP, TỈNH ĐẮK NÔNG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Lê Xuân Diệu.

*Các hội thẩm nhân dân:* Ông Nguyễn Sơn và bà Lê Thị Nguyệt.

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Đoàn Thị Vân là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đắc R'Lấp, tỉnh Đắc Nông.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đắc R'Lấp, tỉnh Đắc Nông tham gia phiên tòa:** Ông Nguyễn Ngọc Phương - Kiểm Sát viên.

Ngày 18 tháng 6 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đắc R'Lấp, tỉnh Đắc Nông xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 42/2024/TLST-HS ngày 07 tháng 5 năm 2024 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số: 41/2024/QĐXXST-HS ngày 17 tháng 5 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 22/2024/QĐST-HS ngày 30 tháng 5 năm 2024 đối với bị cáo:

**Nguyễn Thị T**, sinh năm 1995 tại tỉnh Quảng Nam; nơi thường trú: Thôn 06, xã N, huyện Đ, tỉnh Đắc Nông; nơi ở hiện tại: Thôn Q, xã N, huyện Đ, tỉnh Đắc Nông; nghề nghiệp: Làm nông; trình độ học vấn: 06/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn L và bà Nguyễn Thị H, có chồng là Hỏa Văn H và 02 con (con lớn nhất sinh năm 2017, con nhỏ nhất sinh năm 2019); tiền án, tiền sự: Không; tại ngoại theo Lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú; có mặt.

**- Bị hại:** Anh Hỏa Văn H, sinh năm 1987.

Địa chỉ: Thôn 06, xã N, huyện Đ, tỉnh Đắc Nông; vắng mặt.

**- Người tham gia tố tụng khác:**

Người làm chứng:

Bà Phan Thị L, sinh năm 1964.

Địa chỉ: Thôn 3, xã N, huyện Đ, tỉnh Đắc Nông; vắng mặt.

Bà Trần Thị L1, sinh năm 1989.

Địa chỉ: Thôn 6, xã N, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông; vắng mặt.

Bà Phạm Thị T2, sinh năm 1952.

Địa chỉ: Thôn 6, xã N, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông; vắng mặt.

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:*

Nguyễn Thị T là em dâu của anh Hỏa Văn H. Anh Hỏa Văn H và mẹ ruột là bà Phạm Thị T2 cùng sinh sống tại căn nhà thuộc thôn 06, xã N, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông. Tháng 12/2023, anh H bán cà phê được số tiền 42.000.000 đồng và đem số tiền trên về nhà cất dưới nệm của chiếc giường ngủ được đặt tại phòng bếp. Sau đó, anh H lấy 6.000.000 đồng trong số tiền trên để chi tiêu cá nhân. Khoảng 05 giờ 30 phút ngày 15/12/2023, anh H đi bẫy gà. Đến 06 giờ 30 phút cùng ngày, bà T2 dậy không thấy anh H ở nhà, thấy tấm ga nệm giường của anh H bẩn nên tháo đem đi giặt, trong khi lật tấm nệm lên thì bà T2 thấy một xấp tiền đều có mệnh giá 500.000 đồng được để dưới nệm phía cuối giường, biết là tiền của anh H nên bà T2 cầm xấp tiền và xếp gọn lại. Sau đó, bà T2 rút 1.000.000 đồng đi đóng tiền điện, mua đồ ăn và để xấp tiền ở vị trí cũ, khi đi bà T2 chỉ khép cửa chính lại không khóa. Đến 07 giờ 30 phút cùng ngày, Nguyễn Thị T điều khiển xe mô tô mang biển kiểm soát 48F8 - 4296 đi từ nhà của T mang theo 01 bịch bún để đưa cho bà Thơi. Khi đến cổng nhà bà T2 T thấy cửa nhà bà T2 đóng nên không đi vào mà đi qua nhà ông Vũ Văn Th (ở đối diện nhà bà T2) chơi. Đến khoảng 08 giờ cùng ngày, T điều khiển xe đi xuống rẫy cà phê của T ở cạnh rẫy nhà bà T2 để bầm canh cà phê.

Đến 09 giờ ngày 15/12/2023, T điều khiển xe mô tô về nhà bà T2 để đưa bún. Về đến nhà bà T2, T không thấy ai ở nhà nên tự mở cửa đem bịch bún đi vào phòng bếp và đặt bịch bún trên bàn cho bà T2. T nhìn thấy dưới nền nhà gần chân giường ngủ tại phòng bếp có 01 tờ tiền mệnh giá 500.000 đồng, T nhặt tờ tiền rồi lật tấm nệm lên thì thấy bên dưới tấm nệm có nhiều tờ tiền mệnh giá 500.000 đồng. Lúc này, T nảy sinh ý định chiếm đoạt số tiền trên để đóng tiền lãi vay ngân hàng chính sách và mua bảo hiểm y tế cho chồng. T lấy toàn bộ số tiền trên, xếp gọn rồi cuộn tròn lại và cất vào túi trước, bên phải của áo khoác và điều khiển xe mô tô đi ra hướng Ủy ban nhân dân xã Nhân Đạo, huyện Đắk R'Lấp. Trên đường đi, T dừng ở lề đường nơi vắng người đem số tiền nói trên ra đếm được tổng số tiền là 35.000.000 đồng (toàn bộ là tiền mệnh giá 500.000 đồng). Đến 09 giờ 30 phút, T điều khiển xe máy đi đến Ủy ban

nhân dân xã N gặp chị Trần Thị L là Phó Chủ tịch Hội đồng nhân dân xã N, T lấy số tiền trộm cắp được đóng tiền lãi vay Ngân hàng chính sách của T và mua bảo hiểm y tế cho chồng là 12.972.000 đồng. Sau đó, T tiếp tục điều khiển xe mô tô đi đến tiệm vàng Kim Liên trong chợ N thuộc xã N huyện Đ mua 02 lắc tay bằng vàng 18k trị giá 7.200.000 đồng, T đưa số tiền 15.000.000 đồng cho chị L chủ tiệm vàng để nhờ chị Liên chuyển vào tài khoản số 5300205882448 của T. Sau đó, T về lại rẫy tại thôn 6, xã N để tiếp tục bám canh cà phê. Đến khoảng 10 giờ 00 phút cùng ngày, anh H về nhà phát hiện bị mất số tiền nêu trên nên đã trình báo Công an xã N. Sau khi trộm cắp tài sản, do biết phạm tội đã bị phát hiện nên T đã đến Công an xã N trình diện và khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình.

Tại bản cáo trạng số: 44/CT-VKS-ĐL ngày 07 tháng 5 năm 2024 Viện kiểm sát nhân dân huyện Đăk R'Lấp, tỉnh Đăk Nông đã truy tố Nguyễn Thị T về tội “*Trộm cắp tài sản*” theo quy định tại khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự.

Kết quả tranh luận tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đăk R'Lấp, tỉnh Đăk Nông giữ nguyên quyết định truy tố đối với bị cáo. Sau khi xem xét các chứng cứ buộc tội, tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố bị cáo Nguyễn Thị T phạm tội “*Trộm cắp tài sản*”. Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 173; các điểm b, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 65 của Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Nguyễn Thị T từ 09 tháng đến 12 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 01 năm 06 tháng đến 02 năm.

Về trách nhiệm dân sự: Bị cáo đã bồi thường cho bị hại anh Hòa Văn Hoàng số tiền 35.000.000 đồng, anh H không có yêu cầu gì thêm nên không đề cập giải quyết.

Về hình phạt bổ sung: Bị cáo không có thu nhập ổn định và tài sản riêng, nên đề nghị không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

Việc xử lý vật chứng: Áp dụng các điểm a, b khoản 3 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự, đề nghị Hội đồng xét xử:

Chấp nhận Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Đăk R'Lấp đã ra quyết định xử lý vật chứng trả lại cho Nguyễn Thị T: 01 (một) điện thoại di động hiệu Samsung A4, số tiền 15.000.000 đồng, 02 (hai) vòng tay bằng kim loại, 01 áo khoác vải nữ có mũ màu nâu và số tiền 12.972.000 đồng.

Tại phiên tòa, bị cáo không bào chữa gì về hành vi phạm tội của mình mà chỉ đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt.

**NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

*Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:*

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo, bị hại không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện là hợp pháp.

[2] Tại phiên tòa, bị hại là anh Hỏa Văn H vắng mặt và có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, người làm chứng là bà Phan Thị L, bà Trần Thị L, bà Phạm Thị T2 đều vắng mặt không có lý do, nhưng anh Hỏa Văn Hoàng, bà Phan Thị L, bà Trần Thị L và bà Phạm Thị T2 đã có lời khai đầy đủ trong quá trình điều tra được lưu trong hồ sơ vụ án, việc vắng mặt không ảnh hưởng đến việc giải quyết vụ án, nên Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt anh Hỏa Văn H, bà Phan Thị L, bà Trần Thị L, bà Phạm Thị T2 theo quy định tại khoản 1 Điều 292, khoản 1 Điều 293 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

[3] Xét lời khai nhận của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của bị cáo, bị hại, người làm chứng tại cơ quan điều tra, phù hợp với các tài liệu, chứng cứ đã thu thập có trong hồ sơ vụ án và đã được thẩm tra công khai tại phiên tòa, Hội đồng xét xử có căn cứ xác định: Khoảng 09 giờ 00 phút ngày 15/12/2023, tại nhà anh Hỏa Văn H thuộc thôn 06, xã N, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông, Nguyễn Thị T đã có hành vi lén lút trộm cắp số tiền 35.000.000đ (ba mươi lăm triệu đồng) của anh Hỏa Văn H (T là em dâu của anh H) để tiêu xài cá nhân. Hành vi của bị cáo đã xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ. Bị cáo nhận thức rõ hành vi của mình là nguy hiểm cho xã hội nhưng mong muốn có tiền tiêu xài cá nhân nên đã cố ý thực hiện. Vì vậy, có đủ căn cứ pháp lý kết luận bị cáo Nguyễn Thị T phạm tội “*Trộm cắp tài sản*” theo quy định tại khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự.

**Khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự quy định:**

*“1. Người nào trộm cắp tài sản của người khác trị giá từ 2.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng hoặc dưới 2.000.000 đồng nhưng thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm...”*

[4] Xét tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, bị cáo là người có đủ năng lực trách nhiệm hình sự và ý thức được việc trộm cắp tài

sản của người khác là vi phạm pháp luật, nhưng vì mục đích vụ lợi muốn có tiền tiêu xài cá nhân mà không phải bỏ ra công sức lao động chân chính, nên bị cáo vẫn bất chấp pháp luật thực hiện hành vi lén lút trộm cắp tài sản của bị hại, làm mất an ninh trật tự ở địa phương, gây tâm lý hoang mang lo lắng trong quần chúng nhân dân.

[5] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

[6] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Sau khi phạm tội bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; bị cáo phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; bị cáo đã tự nguyện bồi thường số tiền trộm cắp cho bị hại, được bị hại làm đơn bãi nại xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo; bị cáo có hoàn cảnh gia đình khó khăn. Đây là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại các điểm b, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự, cần áp dụng để giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo.

[7] Về hình phạt bổ sung: Bị cáo hiện tại không có tài sản và thu nhập ổn định nên không áp dụng hình phạt bổ sung theo quy định tại khoản 5 Điều 173 của Bộ luật Hình sự đối với bị cáo.

[8] Xét tính chất, mức độ phạm tội, hậu quả phạm tội, bị cáo có nhân thân tốt, chưa có tiền án, tiền sự, có nơi cư trú rõ ràng, có 03 tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự và có 02 tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự, không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự, bị cáo có đủ điều kiện được hưởng án treo theo quy định tại Điều 65 của Bộ luật Hình sự, nên xét thấy không cần thiết phải cách ly bị cáo bị cáo ra khỏi đời sống xã hội mà cho bị cáo được tự cải tạo ngoài xã hội dưới sự giám sát của chính quyền địa phương và gia đình cũng đủ tác dụng răn đe và phòng ngừa chung trong toàn xã hội.

[9] Việc xử lý vật chứng: Căn cứ các điểm a, b khoản 3 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

Chấp nhận Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Đắk R'Lấp đã ra quyết định xử lý vật chứng trả lại cho Nguyễn Thị T: 01 (một) điện thoại di động hiệu Samsung A4, số tiền 15.000.000 đồng, 02 (hai) vòng tay bằng kim loại, 01 áo khoác vải nữ có mũ màu nâu và số tiền 12.972.000 đồng.

[10] Việc bồi thường thiệt hại: Bị cáo đã tự nguyện bồi thường cho bị hại số tiền 35.000.000 đồng, bị hại đã nhận tiền bồi thường và không yêu cầu gì thêm nên không xem xét, giải quyết.

[11] Tại phiên tòa, qua phần tranh luận, xét quan điểm về đường lối xử lý vụ án của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đăk R'Lấp là có căn cứ nên chấp nhận.

[12] Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[13] Về quyền kháng cáo: Bị cáo, bị hại có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

**1.** Căn cứ vào khoản 1 Điều 173; các điểm b, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 65 của Bộ luật Hình sự.

Tuyên bố: Bị cáo Nguyễn Thị T phạm tội “*Trộm cắp tài sản*”.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Thị T **09** (chín) tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách **01** (một) năm **06** (sáu) tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm, ngày 18/6/2024.

Giao bị cáo Nguyễn Thị T cho Ủy ban nhân dân xã N, huyện Đ, tỉnh Đăk Nông giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Gia đình bị cáo Nguyễn Thị T có trách nhiệm phối hợp với chính quyền địa phương trong việc giám sát, giáo dục bị cáo trong thời gian thử thách.

Trong trường hợp bị cáo Nguyễn Thị T thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định của Luật Thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, nếu người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật Thi hành án hình sự 02 lần trở lên, thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo. Trường hợp thực hiện hành vi phạm tội mới thì Tòa án buộc người đó phải chấp hành hình phạt của bản án trước và tổng hợp với hình phạt của bản án mới theo quy định tại Điều 56 của Bộ luật Hình sự.

**2. Việc xử lý vật chứng:** Căn cứ các điểm a, b khoản 3 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

Chấp nhận Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Đăk R'Lấp đã ra quyết định xử lý vật chứng trả lại cho Nguyễn Thị T: 01 (một) điện thoại di động hiệu Samsung A4, số tiền 15.000.000 đồng, 02 (hai) vòng tay bằng kim loại, 01 áo khoác vải nữ có mũ màu nâu và số tiền 12.972.000 đồng.

**3. Về án phí hình sự sơ thẩm:** Áp dụng khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng Hình sự năm 2015; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14

ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Bị cáo Nguyễn Thị T phải chịu 200.000đ (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

**4. Về quyền kháng cáo:** Bị cáo có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

Bị hại vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Đắk Nông;
- VKSND tỉnh Đắk Nông;
- Sở Tư pháp tỉnh Đắk Nông;
- Phòng PV06 Công an tỉnh Đắk Nông;
- Phòng PC10 Công an tỉnh Đắk Nông;
- VKSND huyện Đắk R'Lấp;
- Công an huyện Đắk R'Lấp;
- Phòng HS, NV Công an huyện Đắk R'Lấp;
- CCTHADS huyện Đắk R'Lấp;
- Ủy ban nhân dân xã N, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông;
- Bị cáo;
- Bị hại;
- Lưu hồ sơ vụ án, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đã ký

**Lê Xuân Diệu**